TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **23**/2024 HSST
Ngày 21- 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Minh Nhật;

2. Ông Phùng Hải Thuỷ;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Đ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 11/3/2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Bảo T**, sinh ngày: 29/7/1986; nơi cư trú: Khu phố G, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1952 và bà: Lê Thị L1, sinh năm 1954; cùng trú tại: Khu phố G, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 03; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Về nhân thân:

- Ngày 29/8/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*". Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 29/12/2020;

- Ngày 29/8/2020 bị Công an thành phố Đ xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

- Ngày 24/02/2021, bị Ủy ban nhân dân Phường A1, thành phố Đ áp dụng

biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Chấp hành xong ngày 24/5/2021);

Bị cáo T bị tạm giữ từ ngày 12/11/2023 đến ngày 21/3/2023 thì chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên toà.

2. **Phan Văn S** *(tên gọi khác: Ú)***,** sinh ngày: 20/5/1985; nơi ĐKHKTT: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: Khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 07/12; con ông: Phan Cư (đã chết); con bà: Lê Thị M, sinh năm 1950; nghề nghiệp: Làm nông; hiện trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 07 chị em, bị cáo là con thứ sáu; vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: Có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); hiện cùng trú tại: Khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; tiền sự: Không có;

- Tiền án: có 01 tiền án, ngày 29/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Chấp hành xong án phạt tù ngày 10/5/2022.

Về nhân thân:

- Ngày 09/4/2020, bị Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi "*Xâm hại sức khỏe của người khác*".

- Ngày 05/5/2021, bị Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Chấp hành xong ngày 05/8/2021);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2023 đến ngày 21/3/2023 thì chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên toà.

3. **Trần Văn L2,** sinh ngày: 18/02/1990; nơi cư trú: Khu phố D, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Trần Văn T2, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Đánh cá; con bà: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1965; nghề nghiệp: Bán vé số; hiện cùng trú tại: Khu phố D, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1990 (Đã ly hôn); con: Có 02 con (L3 sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2015); hiện cả 02 con cùng sinh sống tại: Khánh Hòa, N; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2023 đến ngày 21/3/2023 thì chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên toà.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 12/11/2023, Trần Văn L2 đi đến quán I tại số A đường Đ để sử dụng Internet. Phan Văn S cũng đến quán C và ngồi bên cạnh L2. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Bảo T đến gặp S và rủ S đi mua ma túy hồng phiến để sử dụng thì S đồng ý. T lấy 200.000 đồng đưa cho S để mua ma túy. Do điện thoại của S hết tiền nên không liên lạc được với người bán ma túy. Sửu mượn điện thoại của T nhưng cũng không liên lạc được. Vì vậy, cả hai bàn bạc dò hỏi có ai quen biết người bán ma túy ở khu vực Xóm V (thuộc khu phố T, phường A, thành phố Đ) để nhờ mua. Trần Văn L2 nghe được cuộc nói chuyện liền nói với họ là có biết người bán ma túy ở khu vực trên. Nghe L2 nói vậy thì T nhờ L2 đi mua hộ, L2 đồng ý rồi lấy 200.000 đồng từ S. Do Ly không có xe nên S đưa chìa khóa xe mô tô Jupierter, màu đen vàng, biển kiểm soát 75K6-2565 cho L2 mượn. L2 điều khiển xe đến khu vực Xóm V (thuộc khu phố T, phường A, thành phố Đ) gặp một nam thanh niên (*không rõ nhân thân, lai lịch*) mua được 07 viên ma túy với giá 200.000 đồng (số ma túy được đựng trong 02 đoạn ống nhựa màu xanh, sọc trắng, được hàn kín hai đầu gồm 01 ống chứa 06 viên và 01 ống chứa 01 viên). Sau khi có ma túy, L2 cầm trên tay trái rồi điều khiển xe mô tô quay trở lại quán I. Trên đường đi đến trước số nhà A đường N (thuộc khu phố F, Phường A, thành phố Đ) thì bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Bảo T đợi mãi không thấy Trần Văn L2 mang ma túy về nên đi bộ đến khu vực đường N (thuộc khu phố C, Phường A, thành phố Đ) gặp một nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) mua được 10 viên ma túy hồng phiến với giá 250.000 đồng rồi mang về nhà sử dụng hết 03 viên, còn 07 viên cất giấu tại phòng ngủ. Đến 18 giờ cùng ngày, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ gọi lên làm việc sau đó giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Đồng thời, T khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ số ma tuý tại phòng ngủ. Quá trình khám xét nơi ở đã thu giữ 07 viên nén hình trụ tròn, màu hồng tại phòng ngủ của T.

Tại bản Kết luận giám định số: 1142/KL-KTHS ngày 21/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

- 07 viên nén hình trụ tròn, màu hồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1) gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6902 gam (*không phẩy sáu chín không hai gam*), (Thu giữ tại T);

- 07 viên nén hình trụ tròn, màu hồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT2) gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6891 gam (*không phẩy sáu tám chín một gam*), (Thu giữ của Nguyễn Bảo T);

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 07 viên nén hình trụ tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY (nghi là ma túy tổng hợp hồng phiến);

- 01 đoạn ống nhựa trong suốt có kích thước (6x0,5) cm;

- 01 đoạn ống nhựa trong suốt có kích thước (1x0,5) cm;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đen vàng, mang biển kiểm soát: 75K6-2565, số máy: 5B96-013751, số khung: RLCJ5B9607Y013751, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 355632044656701, có gắn sim số: 0398222705, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia MODEL: TA -1174, màu xanh, có gắn sim số: 0389526286, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 7, màu hồng, có gắn sim số: 0702406959, IMEI 1: 359210076948241 đã qua sử dụng.

* Tiến hành khám xét tại nhà của Nguyễn Bảo T phát hiện, thu giữ:

- 07 viên nén hình trụ tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY;

- 01 đoạn băng keo màu đen, kích thước (2x1) cm;

- 01 mảnh nilon trong suốt, kích thước (3x1) cm;

- 01 mảnh nilon trong suốt, kích thước (4x1) cm;

Tại Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố các bị cáo Trần Văn L2 và Phan Văn S về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Bảo T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bảo T, Phan Văn S, Trần Văn L2 phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Bảo T từ **04** (*Bốn)* năm **06** *(Sáu)* tháng đến **04** (*Bốn)* năm **09** *(Chín)* tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phan Văn S từ **17** (*Mười bảy*) đến **19** (*Mười chín*) tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L2 từ **15** (*Mười lăm*) đến **17** (*Mười bảy*) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu **PS3 2153059**.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đen vàng, mang biển kiểm soát: 75K6-2565, số máy: 5B96-013751, số khung: RLCJ5B9607Y013751, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn L2 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 355632044656701, có gắn sim số: 0398222705, đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo Phan Văn S 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA - 1174, màu xanh, có gắn sim số: 0389526286, đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bảo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, có gắn sim số: 0702406959, IMEI 1: 359210076948241 đã qua sử dụng.

Nhưng cần tạm giữ các điện thoại để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp các các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Bảo T, Phan Văn S, Trần Văn L2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/11/2023, Trần Văn L2 bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ 0,6902 gam loại Methamphetamine. Số ma tuý trên do L2 mua giúp cho Phan Văn S và Nguyễn Bảo T nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Bảo T, Phan Văn S, Trần Văn L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*".

Cùng ngày, Nguyễn Bảo T còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,6891 gam ma túy loại Methamphetamine tại nhà để sử dụng nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung "*Phạm tội hai lần trở lên*", tổng khối lượng là 1,3793 gam ma túy loại Methamphetamin.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Phan Văn S, Trần Văn L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi của bị cáo Nguyễn Bảo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" với tình tiết định khung "*Phạm tội hai lần trở lên*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Bảo T, Phan Văn S, Trần Văn L2 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét về tính chất hành vi, vị trí vai trò của các bị cáo, thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công giữa các bị cáo. Nguyễn Bảo T là người khởi xướng, cung cấp tiền để mua ma tuý; Phan Văn S là người giúp sức tích cực, cung cấp phương tiện để bị cáo L2 sử dụng làm phương tiện đi mua ma tuý. Trần Văn L2 không phải là bạn bè thân quen của T và S nhưng là người trực tiếp đi mua ma tuý, với vai trò đồng phạm là người trực tiếp thực hành. Do đó, bị cáo T có vai trò cao nhất, bị cáo S có vai trò giúp sức tích cực, bị cáo L2 có vai trò thứ yếu trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý, gây ảnh hưởng nghiêm trọng về nhiều mặt cho đời sống xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, biết việc "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo T và S là người có nhân thân xấu đã bị Tòa án xét xử; cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính và Uỷ ban nhân dân phường áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường nhưng không tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh với hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] **Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phan Văn S đã bị Toà án xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS: "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Bộ luật hình sự; khi bị áp giải đến cơ quan Điều tra, bị cáo T tự khai nhận về hành vi phạm tội của riêng mình đối với 07 viên ma tuý thu giữ tại nhà nên cho bị cáo T

hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Tự thú" quy định tại điểm r khoản 1 Bộ luật hình sự; gia đình bị cáo S thuộc diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh bị cáo T khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận bố mẹ già yếu, thường xuyên ốm đau cần có người chăm sóc nên cho các bị cáo T và bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Bảo T có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo đều có bố mẹ già yếu, ốm đau nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thời hạn tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày nên cần phải tiếp tục ban hành quyết định tạm giam để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra không chứng minh được người thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo L2 và bị cáo T nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

[5] **Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ**: Ma tuý là vật cấm lưu hành, bao gói không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy số ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu **PS3 2153059**;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đen vàng, mang biển kiểm soát: 75K6-2565, số máy: 5B96-013751, số khung: RLCJ5B9607Y013751, đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Thị T1, S mượn để sử dụng và giao cho L2 đi mua ma tuý nhưng chị T1 không hay biết nên cần trả lại cho chị T1.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 355632044656701, có gắn sim số: 0398222705 của Trần Văn L2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia model: TA -1174, màu xanh, có gắn sim số: 0389526286 của Phan Văn S và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, có gắn sim số: 0702406959, IMEI 1: 359210076948241 của Nguyễn Bảo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Bảo T**, **Phan Văn S** (*tên gọi khác: Ú*), **Trần Văn L2** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Bảo T: **51** (*Năm mươi mốt*) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phan Văn S (*tên gọi khác: Ú*): **18** (*Mười tám*) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Văn L2: **15** (*Mười lăm*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ 12/11/2023.

2. *Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ*: Căn cứ vào Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử: Tịch thu và tiêu hủy số ma túy, toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi miêm phong ký hiệu **PS3 2153059** bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đen vàng, mang biển kiểm soát: 75K6-2565, số máy: 5B96-013751, số khung: RLCJ5B9607Y013751.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn L2 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 355632044656701, có gắn sim số: 0398222705;

Trả lại cho bị cáo Phan Văn S 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model: TA - 1174, màu xanh, có gắn sim số: 0389526286;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bảo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, có gắn sim số: 0702406959, IMEI 1: 359210076948241.

Nhưng cần tạm giữ các điện thoại để đảm bảo thi hành án.

(*Vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà với Cơ quan Điều tra Công an thành phố Đ lập ngày 15/3/2024*).

3. *Về án phí*: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
-- Lưu: HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Hương